TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày 01/4/2026
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Hiếu và bà Phạm Thị Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Như Thảo, Kiểm sát viên

Ngày 01/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2025 về việc "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị L sinh ngày 17/12/1984; địa chỉ thôn D, xã K, tỉnh Ninh Bình; số căn cước 0371840055xx ngày cấp 28/4/2025, nơi cấp Bộ Công an; có mặt.

Bị đơn: Anh Ngô Văn T sinh ngày 05/3/1986; địa chỉ thôn D, xã K, tỉnh Ninh Bình; số căn cước công dân 0370860019xx ngày cấp 20/02/2017, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 29/12/2009; sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ tháng 4/2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do liên quan đến quan hệ tình cảm dẫn đến vợ chồng cãi nhau và anh T có đánh chị L, mặc dù chị L có chịu đựng và khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe vẫn có quan hệ tình cảm như vợ chồng với người khác, dẫn đến tình cảm vợ chồng mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng; từ tháng 5/2025 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L xin được ly hôn anh T.

Về nuôi con: Chị L và anh T có 03 con chung là cháu Ngô Trung K sinh ngày 07/11/2010, cháu Ngô Thu H sinh ngày 04/8/2018 và cháu Ngô Thu H1 sinh ngày 15/5/2020. Chị L đề nghị giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, giao cháu H và cháu H1 cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, chị L có thu nhập mỗi

tháng từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nên chị L cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu H và cháu H1.

Về tài sản và công nợ: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản; vợ chồng không vay nợ ai tài sản gì.

Tại bản tự khai và tại phiên toà bị đơn là anh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 29/12/2009; sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ tháng 4/2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan đểm dẫn đến cãi chửi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; từ tháng 4/2025 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đồng ý ly hôn chị L.

Về nuôi con: Anh T và chị L có 03 con chung là cháu Ngô Trung K sinh ngày 07/11/2010, cháu Ngô Thu H sinh ngày 04/8/2018 và cháu Ngô Thu H1 sinh ngày 15/5/2020. Anh T đề nghị giao cháu K và cháu H cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; giao cháu H1 cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; anh T có thu nhập mỗi tháng từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nên anh T cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu K và cháu H.

Về tài sản và công nợ: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử.

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị L và anh Ngô Văn T.

- Về con: Giao cháu Ngô Trung K sinh ngày 07/11/2010 cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giao cháu Ngô Thu H sinh ngày 04/8/2018 và cháu Ngô Thu H1 sinh ngày 15/5/2020 cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về án phí: Chị L phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị L khởi kiện "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" với anh T, việc khởi kiện của chị L được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T cư trú tại xã K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã K ngày 29/12/2009, tại thời điểm kết hôn chị L và anh T đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo chị L và anh T đều khai từ tháng 4/2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và từ tháng 5/2025 cho đến nay vợ chồng sống ly thân; chị L và anh T cùng thuận tình ly hôn, nên căn cứ Đều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình Toà án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

[3] Về nuôi con: Chị L và anh T có 03 con chung là cháu Ngô Trung K sinh ngày 07/11/2010, cháu Ngô Thu H sinh ngày 04/8/2018 và cháu Ngô Thu H1 sinh ngày 15/5/2020. Chị L và anh T đều đề nghị giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, giao cháu H1 cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi; đề nghị của chị L và anh T phù hợp với nguyện vọng của cháu K là được ở với anh T; nên Toà án chấp nhận.

Đối với cháu H, cả chị L và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H; xét cả chị L và anh T đều có đủ thời gian tối thiểu và thu nhập hằng tháng để nuôi dạy cháu H, tuy vậy nguyện vọng của cháu H là được ở với mẹ là chị L; tại biên bản xác minh của Toà án đại diện Ban chấp hành hội phụ nữ xã Khánh Hội có ý kiến đề nghị Toà án giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu. Nên chấp nhận đề nghị của chị L, giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi cháu K cho anh T; chị L nuôi dưỡng cháu H và cháu H1, nhưng chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu H1 cho chị L; Tòa án đã giải thích cho chị L và anh T việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, nhưng chị L và anh T cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho các cháu; xét thấy chị L và anh T đều có thu nhập ổn định nên đều có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con; việc chị L và anh T không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, nên Tòa án không buộc chị L và anh T phải cấp dưỡng cho con cho nhau.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị L và anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản; vợ chồng chị L anh T không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn, tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, nên chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị L và anh Ngô Văn T.

2.2. Về nuôi con: Giao cháu Ngô Trung K sinh ngày 07/11/2010 cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giao cháu Ngô Thu H sinh ngày 04/8/2018 và cháu Ngô Thu H1 sinh ngày 15/5/2020 cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi cháu H và cháu H1 đủ 18 tuổi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về án phí: Chị Lâm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiến tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0003084 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị L đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ3iều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND Khu vực 4
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ